

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

*(Giấy chứng nhận ĐKKD số 2300882483 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp
ngày 05/03/2015, thay đổi lần thứ 2 ngày 27/04/2015)*

Trụ sở chính : Đường Huyền Quang - Phường Đại Phúc – TP. Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại : 0241.3.826.746 Fax: 0241.3.823.366
Website : www.inwama4.vn

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Phạm Hồng Minh

Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 0983036882

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	5
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	5
1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch	5
1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch:	6
1.3. Quá trình hình thành và phát triển	6
1.4. Quá trình tăng vốn	7
2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của doanh nghiệp khi cổ phần hóa.....	7
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	15
3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại Công ty.....	15
3.2. Danh sách cổ đông sáng lập.....	15
3.3. Cơ cấu cổ đông	15
4. Danh sách những công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết	16
5. Tình hình hoạt động kinh doanh.....	16
5.1 Sản phẩm dịch vụ chính.....	16
5.2 Doanh thu và lợi nhuận gộp qua các năm.....	16
6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	16
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	17
8. Chính sách đối với người lao động.....	18
8.1 Số lượng lao động trong công ty.....	18
8.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp cho người lao động	18
9. Chính sách cổ tức	19
10. Tình hình tài chính.....	19
10.1 Các chỉ tiêu cơ bản.....	19
10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	21
11. Tình hình tài sản.....	22
11.1 Tài sản cố định	22
11.2 Danh mục đất đai Công ty đang quản lý và sử dụng	22
12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	23
12.1 Kế hoạch kinh doanh năm 2016-2017	23
12.2 Căn cứ để đặt kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên	23
13. Thông tin về các cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty.....	24
14. Chiến lược, định hướng phát triển kinh doanh	24
15. Các thông tin tranh chấp, kiện tụng liên quan tới công ty	24
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY	24
1. Hội đồng quản trị	24
1.1 Ông Dương Hải Thanh – Chủ tịch HĐQT.....	25

1.2	Ông Phạm Hồng Minh – Thành viên HĐQT điều hành	26
1.3	Ông Nguyễn Phi Trường – Thành viên HĐQT điều hành.....	27
1.4	Ông Trần Văn Ôn – Thành viên HĐQT điều hành.....	28
1.5	Ông Nguyễn Văn Tặng – Thành viên HĐQT điều hành	29
2.	Ban kiểm soát.....	30
2.1	Ông Phạm Văn Hanh – Trưởng Ban kiểm soát	30
2.2	Ông Trịnh Đình Kiên – Thành viên Ban kiểm soát.....	31
2.3	Bà Trần Thị Kiều – Thành viên Ban kiểm soát	32
3.	Giám đốc và các cán bộ quản lý	33
4.	Kế hoạch tăng cường quản trị công ty	34
	PHỤ LỤC.....	36

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại Công ty.....	15
Bảng 2.	Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/3/2016.....	15
Bảng 3.	Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm	16
Bảng 4.	Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm	16
Bảng 5.	Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh	17
Bảng 6.	Cơ cấu lao động	18
Bảng 7.	Tổng dư nợ qua các năm.....	20
Bảng 8.	Các khoản phải thu.....	21
Bảng 9.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	21
Bảng 10.	Danh mục tài sản cố định tại thời điểm ngày 31/12/2015	22
Bảng 11.	Danh mục đất đai Đoạn 4 đang quản lý và sử dụng	22
Bảng 12.	Kế hoạch phát triển kinh doanh 2016-2017	23

CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

HĐQT	:	Hội đồng quản trị
CP	:	Cổ phần
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
GTDN	:	Giá trị doanh nghiệp
BCTC	:	Báo cáo tài chính
TSCĐ	:	Tài sản cố định
QLDN	:	Quản lý doanh nghiệp
LN	:	Lợi nhuận
GCNQSDĐ	:	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
CN	:	Chi nhánh
TCCB-LĐ	:	Tổ chức cán bộ - lao động
DNNN	:	Doanh nghiệp Nhà nước
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
XDCB	:	Xây dựng cơ bản
HĐTC	:	Hoạt động tài chính
XNK	:	Xuất nhập khẩu
VP	:	Văn phòng
DT4	:	Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch

Thông tin công ty

Tên công ty : Công ty Cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Tên tiếng Anh : INLAND WATERWAYS MANAGEMENT AND MAINTENANCE
JOINT STOCK COMPANY NO4
Tên viết tắt : INWAMANO4
Trụ sở chính : Đường Huyền Quang, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc
Ninh
Điện thoại : 0241.3.826.746 Fax: 0241.3.823.366
Logo :



Vốn điều lệ : 11.600.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực : 11.600.000.000 đồng
góp
Giấy đăng ký : Giấy chứng nhận ĐKKD số 2300882483 ngày do Sở Kế hoạch & Đầu tư
kinh doanh tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 05/03/2015, thay đổi lần thứ 2 ngày 27/04/2015
Ngày trở thành : 30/07/2015
công ty đại chúng
Đại diện theo : Ông Dương Hải Thanh – Chủ tịch HĐQT
pháp luật

Ngành nghề kinh doanh chính

- Thừa hành nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành về giao thông, vận tải đường thủy nội địa trong phạm vi trách nhiệm được giao.
- Quản lý, bảo trì, khảo sát tuyến đường đường thủy nội địa.
- Thi công các công trình xây dựng, giao thông đường thủy nội địa.
- Theo dõi thủy văn, khảo sát lưu lượng vận tải đường thủy nội địa.
- Đảm bảo an toàn giao thông phục vụ thi công xây dựng trên tuyến đường thủy nội địa.
- Sửa chữa, gia công, triển khai lắp đặt các báo hiệu đường thủy nội địa.
- Sửa chữa, thi công xây dựng các hệ thống kè đường thủy nội địa.
- Trục vớt thanh thải chứng ngại vật đường thủy nội địa.
- Nạo vét bãi cạn, khai thác cát, sỏi.

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch:

- Loại chứng khoán: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Mã chứng khoán: DT4
- Tổng số lượng chứng khoán ĐKGD: 1.160.000 cổ phần
- Số chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng:
 - o Hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông chiến lược: 81.200 cổ phần (hạn chế 5 năm kể từ ngày 05/03/2015)
 - o Hạn chế chuyển nhượng đối với cán bộ công nhân viên: 99.100 cổ phần (hạn chế theo năm cam kết làm việc tại Doanh nghiệp bắt đầu từ ngày 5/3/2015, được quy định tại mục d khoản 2 Điều 48 của ND59/2011/NĐ-CP)
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ với NĐT nước ngoài: Theo Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài không bị giới hạn về tỷ lệ nắm giữ. Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Công ty đến ngày 01/04/2016 là 0% .

1.3. Quá trình hình thành và phát triển

Đoạn Đường sông số 4 được thành lập ngày 11/7/1964 trực thuộc Cục Vận tải Đường thủy (Nay là Cục Đường thủy Nội địa Việt Nam). Trụ sở Đoạn đóng tại Phả Lại, thôn Phả Lại, xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh Hà Bắc.

Ngày mới thành lập Đoạn có 200 cán bộ công nhân viên, được giao nhiệm vụ quản lý đảm bảo giao thông 284 km đường sông trên các tuyến sông Thương, sông Cầu, sông Đuống, sông Thái Bình, sông Kinh Thầy và sông Kinh Môn.

Ngày 5/8/1964 Đế Quốc Mỹ gây sự kiện Vịnh Bắc Bộ, để đảm bảo an toàn cho cán bộ công nhân viên, Đoạn được lệnh sơ tán về thôn Chí Linh, xã Nhân Huệ, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Để tăng cường công tác đảm bảo giao thông, ngày 25/6/1965 Đoạn được Bộ Giao thông Vận tải giao quản lý thêm 65 km sông Hồng (Từ cảng Phả Đen - Hà Nội đến Việt Trì)

Tháng 6/1967 Đoạn đường sông Hải Dương trực thuộc Ty giao thông Hải Dương được thành lập. Đoạn Đường sông số 4 cắt bàn giao các Trạm đường sông Linh Xá, Bến Triều (44 km sông Kinh Thầy); Trạm Phú Lương, Cầu Xe (45 km sông Thái Bình); Trạm Tuần Mây (30 km sông Kinh Môn) và 36 cán bộ công nhân viên của cho Đoạn Hải Dương quản lý. Văn phòng Đoạn chuyển từ thôn Chí Linh – xã Nhân Huệ về thôn Kiều Lương, xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 15/6/1970 Cục Vận tải Đường sông đã Quyết định cho Đoạn chuyển từ Thôn Kiều Lương, xã Đức Long, huyện Quế Võ về xây dựng trụ sở tại thôn Vũ Dương, xã Thái Hoà, huyện Quế Võ.

Tháng 8/1986 Đoạn chuyển trụ sở về xây dựng tại Xã Vũ Ninh, thị xã Bắc Ninh.

Ngày 30/01/1993 thực hiện Nghị định số 08/CP của Chính phủ về việc thành lập Cục Đường thủy Nội địa Việt Nam thay cho Khu quản lý đường sông. Đoạn Quản lý Đường thủy Nội địa số 4 được giao quản lý 256 km đường sông.

Năm 1995 chuyển trụ sở Văn phòng Đoạn từ xã Vũ Ninh ra phường Đáp Cầu.

Năm 2008 Văn phòng Đoạn chuyển từ phường Đáp Cầu ra đường Huyện Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh đến ngày hôm nay. Đoạn Quản lý Đường thủy Nội địa số 4 được giao quản lý 352 km đường thủy nội địa quốc gia thuộc 7 con sông, gồm: 48 km sông Đuống, 104 km sông Cầu, 19 km sông Công, 62 km sông Thương, 7 km sông Thái Bình, 56 km sông Lục Nam và 56 km sông Bằng Giang (Cao Bằng). Liên quan đến 6 tỉnh thành là Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương, Hà Nội, Thái Nguyên và Cao Bằng đi qua 21 huyện, thị xã và 159 xã, phường, thị trấn.

Ngày 31/12/2014, Đoạn quản lý đường thủy nội địa đã thực hiện đấu giá cổ phần lần đầu với kết quả đấu giá như sau:

Số lượng cổ phần chào bán: 152.100 cổ phần

Mệnh giá: 10.000 đồng

Giá khởi điểm: 10.000 đồng

Số cổ phần bán được: 152.100 cổ phần

Giá đấu thành công thấp nhất: 10.000 đồng

Giá đấu thành công cao nhất: 10.000 đồng

Giá đấu thành công bình quân: 10.000 đồng

Kể từ ngày 5 tháng 3 năm 2015, Đoạn Quản lý đường thủy nội địa số 4 chính thức chuyển thành Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4, với số vốn điều lệ là : **11.600.000.000 đồng.**

Công ty đã đăng ký Công ty đại chúng và được UBCK nhà nước chấp thuận hồ sơ theo Quyết định số 4760/UBCK-QLPH do Vụ trưởng vụ Quản lý phát hành hành ký ngày 30/07/2015.

Công ty đã đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và được VSD chấp nhận hồ sơ theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 32/2016/GCNCP – VSD ngày 21/04/2016 với mã chứng khoán DT4.

1.4. Quá trình tăng vốn

Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần từ ngày 05/03/2015. Từ thời gian đó đến nay Công ty không thực hiện tăng vốn.

2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của doanh nghiệp khi cổ phần hóa

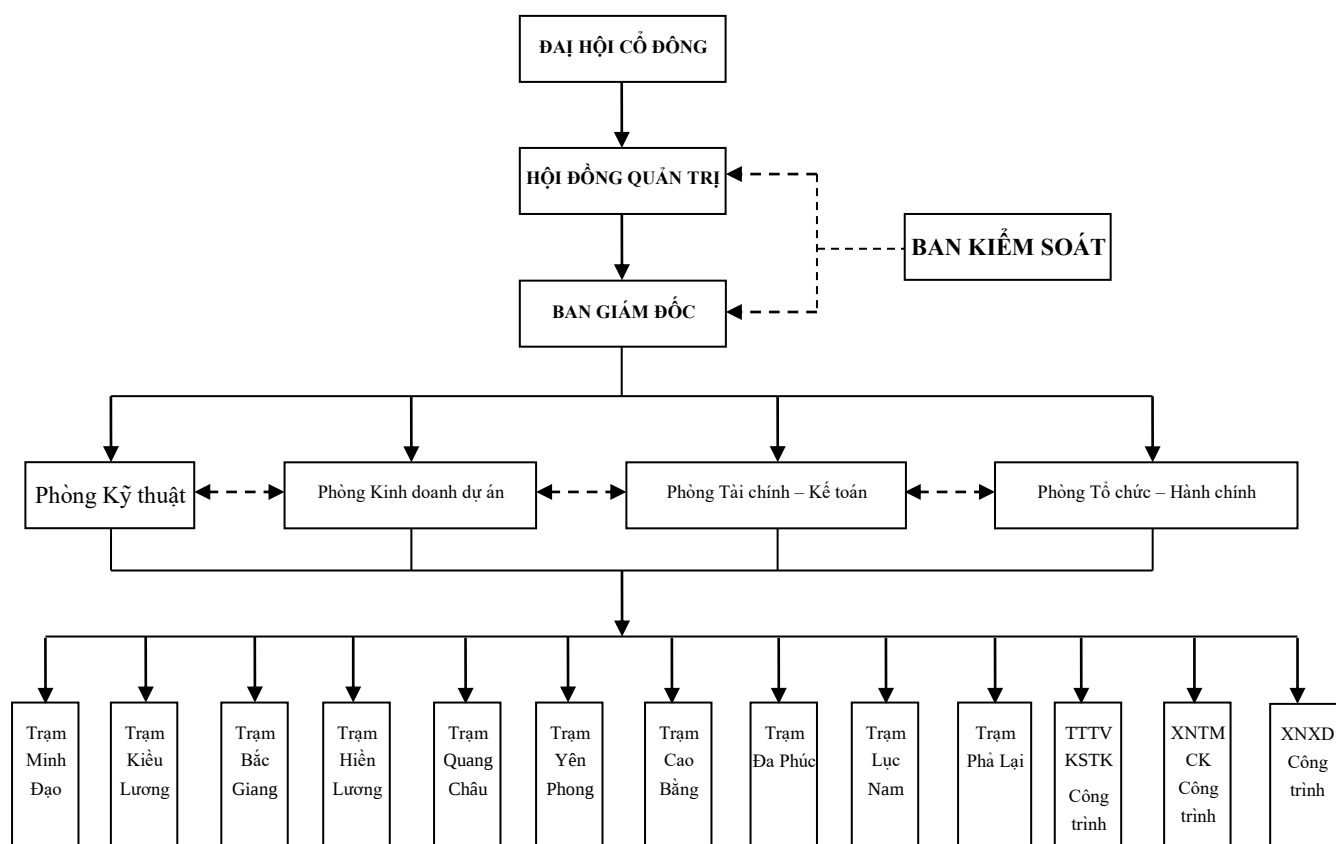
Cơ cấu tổ chức và bố trí nhân sự

- Hội đồng quản trị: 05 thành viên
- Ban Giám đốc: 02 người, gồm Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.
- Ban Kiểm soát: 03 thành viên
- Kế toán trưởng: 01 người
- Các phòng ban chức năng: 04 phòng.
 - Phòng Tài chính - Kế toán;
 - Phòng Tổ chức - Hành chính;
 - Phòng Kinh doanh dự án.
 - Phòng Kỹ thuật
- 10 Trạm Quản lý Đường thủy Nội địa:

Trạm Minh Đạo, Trạm Kiều Lương, Trạm Phả Lại, Trạm Hiền Lương, Trạm Quang Châu, Trạm Yên Phong, Trạm Đa Phúc, Trạm Cao Bằng, Trạm Bắc Giang, Trạm Lục Nam, Trạm Phả Lại, XNTMCK Công trình.

- 01 Đội công trình đường thủy nội địa
- 01 Xí nghiệp xây dựng công trình
- 01 Trung tâm tư vấn kiểm soát thiết kế công trình

Sơ đồ tổ chức Đoạn 4



Chức năng nhiệm vụ các phòng nghiệp vụ

 Phòng Tài chính - Kế toán:

Chức năng

- Tham mưu cho Giám đốc về hoạt động tài chính, kế toán, quản lý vốn, tài sản của đơn vị.
- Giúp Giám đốc kiểm tra, kiểm soát bằng đồng tiền các hoạt động kinh tế, tài chính trong Công ty theo các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước và Công ty cổ phần.

Nhiệm vụ

❖ Công tác tài chính

- Kế hoạch: xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính và lập báo cáo thực hiện kế hoạch tháng, quý, năm.
- Xây dựng kế hoạch huy động vốn trung, dài hạn, huy động kịp thời các nguồn vốn sẵn có vào hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch tạo lập và sử dụng các nguồn tài chính có hiệu quả, đảm bảo tăng cường tiết kiệm trong chi phí hạ giá thành, tăng nhanh tích lũy nội bộ.
- Tổ chức tuần hoàn chu chuyển vốn, tổ chức thanh toán tiền kinh doanh, thu hồi công nợ.
- Căn cứ vào chế độ của Nhà nước và quy định của ngành, Công ty để kiểm tra việc sử dụng tài sản, tiền vốn, kiểm tra việc chấp hành các quy định về dự toán, định mức chi phí trong sản xuất kinh doanh.

❖ Công tác tín dụng

- Căn cứ vào kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản để xây dựng kế hoạch dụng trung và dài hạn.
- Kiểm tra việc sử dụng các nguồn vốn ở các đơn vị trực thuộc.
- Tham gia đàm phán, dự thảo các hợp đồng của Công ty và hướng dẫn kiểm tra các đơn vị trực thuộc trong công tác ký kết các hợp đồng kinh tế.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch trả nợ, thu nợ vay trung và dài hạn.

❖ Công tác kế toán

- Tổ chức bộ máy kế toán: căn cứ vào đặc điểm SXKD của Công ty để lựa chọn hình thức tổ chức kế toán (tập trung hay phân tán) phù hợp và tổ chức bộ máy kế toán hợp lý.
- Tổ chức công tác kế toán
- Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán, tổ chức việc ghi chép ban đầu và luân chuyển chứng từ khoa học, hợp lý trong từng đơn vị kế toán.
- Tổ chức hướng dẫn và áp dụng hệ thống tài khoản kế toán, tổ chức việc ghi chép ban đầu và luân chuyển chứng từ khoa học, hợp lý trong từng đơn vị kế toán.
- Tổ chức hệ thống sổ kế toán theo quy định.
- Tổ chức thực hiện chế độ báo cáo kế toán đúng quy định và phù hợp với yêu cầu quản lý của Công ty và từng đơn vị phù hợp.
- Tổ chức lưu trữ tài liệu kế toán theo quy định.

 Phòng Tổ chức - Hành chính:

Chức năng:

- Là bộ phận giúp việc Giám đốc Công ty thực hiện các chức năng quản lý công tác tổ chức, công nghệ thông tin, công tác hành chính và lao động tiền lương cụ thể như sau
- Công tác tổ chức và công tác cán bộ.
- Công tác đào tạo.
- Công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật.
- Nghiên cứu, xây dựng, tổ chức triển khai việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, tin học hoá các hoạt động quản lý SXKD trong toàn Công ty.
- Công tác hành chính văn phòng.
- Công tác lao động và tiền lương.
- Công tác An toàn lao động - Vệ sinh lao động.

Nhiệm vụ

❖ Công tác tổ chức

- Giúp Giám đốc nghiên cứu đề xuất và tổ chức thực hiện các phương pháp sắp xếp, cải tiến tổ chức sản xuất và xây dựng mô hình quản lý phù hợp với thực tế.
- Lập các cân đối về nhân lực, xây dựng kế hoạch tuyển dụng, tổ chức thực hiện việc tuyển dụng theo đúng trình tự quy định của Công ty và chế độ của Nhà nước.
- Xây dựng các quy chế tổ chức làm việc, phối hợp công tác giữa các đơn vị, phòng ban theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Tổ chức tiếp nhận, quản lý đội ngũ cán bộ, công nhân, điều phối hợp lý, quản lý tốt hồ sơ, giải quyết đúng đắn việc chuyển, kỷ luật, nghỉ chế độ theo Bộ Luật Lao động.
- Nghiên cứu, xây dựng, đề xuất tổ chức thực hiện quy hoạch, đề bạt cán bộ, công tác tuyển dụng, đào tạo nâng cao năng lực tay nghề, bổ sung cán bộ, công nhân đáp ứng nhu cầu sản xuất, quản lý.
- Tổ chức thực hiện chức năng nhận xét cán bộ, thường trực công tác nâng lương và nâng bậc lương công nhân trực tiếp sản xuất, giúp Giám đốc giải quyết đúng đắn hợp lý chính sách lao động - tiền lương cũng như các chế độ, chính sách khác đối với các CBCNV.

❖ Công tác đào tạo

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình đào tạo đối với CBCNV trong toàn Công ty bao gồm: đào tạo thường xuyên, đào tạo lại, đào tạo nâng cao, thi nâng bậc, thi thợ giỏi.... phục vụ cho nhu cầu phát triển lâu dài của Công ty, phù hợp với chế độ quy định của Nhà nước.

❖ Công tác thực hiện chế độ chính sách

- Trên cơ sở quy định của nhà nước, phối hợp với các bộ phận chức năng của Công ty tổ chức kiểm tra hướng dẫn các đơn vị thực hiện tốt chế độ chính sách của Nhà nước đối với người lao động. Phối hợp với tổ chức Công đoàn tổ chức thanh tra kiểm tra việc chấp hành chế độ chính sách đối với người lao động của các đơn vị trực thuộc.
- Hướng dẫn các đơn vị thực hiện tốt chế độ đối với người lao động

❖ Công tác thi đua khen thưởng kỷ luật

- Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị trong việc thi hành Luật thi đua khen thưởng, các quy chế, quy định của Công ty về công tác thi đua khen thưởng.
- Phối hợp với Công đoàn xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch công tác thi đua khen thưởng của Công ty.
- Chủ trì xây dựng các quy chế thi đua khen thưởng, đề xuất các biện pháp để tổ chức tốt các phong trào thi đua trên các công trường của toàn Công ty. Là thường trực hội đồng thi đua khen thưởng Công ty.
- Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy chế nhằm duy trì trật tự kỷ cương làm việc của cơ quan Công ty và các đơn vị.
- Công tác thanh tra: Phối hợp với Ban kiểm soát của Công ty trong việc hướng dẫn về tổ chức và nội dung, phương pháp hoạt động của các Ban thanh tra nhân dân ở các đơn vị. Đồng thời thực hiện công tác thanh tra của Công ty, thường trực công tác tiếp nhận giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân.

❖ Công tác Công nghệ thông tin

- Tổ chức nghiên cứu và đề xuất các dự án CNTT nhằm đổi mới, hoàn thiện công tác vi tính hoá các hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh của Công ty và các đơn vị trực thuộc theo từng giai đoạn trình Giám đốc công ty xem xét, phê duyệt để đưa vào kế hoạch phát triển chung của Công ty.
- Lập kế hoạch, lên phương án phối hợp giữa các đơn vị liên quan trong toàn hệ thống để xây dựng, tổ chức triển khai những chương trình đã được phê duyệt.
- Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nhằm giúp cho Ban Giám đốc điều hành cũng như Ban giám đốc tại các đơn vị nắm bắt thông tin từ các bộ phận của đơn vị mình được nhanh chóng nhất.
- Xây dựng chương trình đào tạo CNTT chuẩn, thực hiện việc đào tạo tin học mọi lúc, mọi nơi dưới nhiều hình thức cho CBNV trong toàn Công ty.
- Chịu trách nhiệm duy trì, phát triển hệ thống phần cứng máy chủ, hệ thống mạng LAN, WAN tại Công ty và các đơn vị thành viên.
- Xây dựng, phát triển hệ thống website, đảm bảo tính chuyên nghiệp và hiệu quả của kênh thông tin này.
- Tổ chức, tham gia vào các hoạt động tuyên truyền, quảng bá thương hiệu của Công ty với các đối tác trong và ngoài nước, thông qua mạng Internet.

❖ Công tác hành chính

- Tổ chức thực hiện công tác quản lý công văn giấy tờ, công tác văn thư và công tác lưu trữ.
- Quản lý con dấu và lưu trữ các hồ sơ pháp lý của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nội quy, quy chế làm việc của cơ quan Công ty. Duy trì trật tự làm việc tại cơ quan Công ty.
- Kiểm tra giám sát tình hình ban hành các loại công văn của các phòng ban Công ty.

- Thực hiện nhiệm vụ truyền tin, truyền mệnh lệnh của lãnh đạo một cách nhanh chóng, đảm bảo chính xác.
- Quản lý và điều hành xe ô tô phục vụ việc đưa đón cán bộ đi công tác.
- Phục vụ nơi làm việc của lãnh đạo, tiếp khách, hội họp.
- Quản lý toàn bộ nhà cửa, các trang thiết bị văn phòng của cơ quan Công ty.
- Đảm bảo các điều kiện làm việc tại cơ quan Công ty; Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch mua sắm các trang thiết bị làm việc, văn phòng phẩm.
- Chịu trách nhiệm về công tác bảo vệ khu cơ quan làm việc của cơ quan Công ty.

❖ Công tác An toàn lao động – Vệ sinh lao động

- Tập hợp, nghiên cứu và phổ biến các văn bản pháp quy về công tác An toàn - Bảo hộ lao động đến các đơn vị trực thuộc Công ty. Tham gia các khóa huấn luyện về AT - BHLĐ cho người sử dụng lao động do Bộ, Ngành và Công ty tổ chức.
- Lập kế hoạch BHLĐ tháng, quý, năm trên cơ sở sản xuất kinh doanh của đơn vị.
- Đôn đốc và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện các quy định về công tác AT-BHLĐ và xe máy thiết bị trong quá trình thi công.
- Kiểm tra và hướng dẫn các đơn vị thực hiện chế độ AT - BHLĐ, VSLĐ đối với người lao động.
- Tổng hợp báo cáo thực hiện kế hoạch về công tác AT - BHLĐ hàng tháng, quý, năm, kiến nghị trình Hội Đồng BHLĐ xét giải quyết.
- Lập biện pháp đảm bảo an toàn cho người và thiết bị trong thi công các công trình. Chỉ đạo hướng dẫn, phổ biến biện pháp ATLĐ cho người sử dụng lao động và người lao động.
- Lập kế hoạch kiểm tra, thanh tra, huấn luyện ATLĐ, BHLĐ, VSLĐ, PCCN, phòng chống bão lụt đối với đơn vị trực thuộc.
- Thường trực Ban thanh tra AT - BHLĐ Công ty, Hội đồng BHLĐ Công ty.
- Phối hợp với Công đoàn Công ty kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất việc thực hiện chế độ BHLĐ đối với CBCNV trong Công ty, công tác an toàn và phòng chống cháy nổ đối với xe máy thiết bị..
- Đề xuất các biện pháp đảm bảo ATLĐ, cải thiện điều kiện lao động, vệ sinh lao động, môi trường vệ sinh công nghiệp và xử lý các trường hợp vi phạm về ATLĐ-BHLĐ trình Giám đốc xem xét quyết định.
- Phối hợp với các đơn vị trực thuộc và các cơ quan chức năng, lập hồ sơ pháp lý để giải quyết các chế độ đối với người lao động khi xảy ra tai nạn lao động.
- Lập báo cáo công tác BHLĐ định kỳ theo quy định.

** Phòng Kinh doanh dự án**

Chức năng, nhiệm vụ

- Phối hợp với đơn vị cấp trên làm việc với các bộ ngành liên quan, chủ đầu tư và các cơ quan liên quan xây dựng định mức, đơn giá, tổng dự toán, dự toán các công trình, giá ca máy các loại thiết bị mới.

- Cùng các đơn vị thi công giải quyết các phát sinh, điều chỉnh giá trong quá trình thực hiện hợp đồng với chủ đầu tư.
- Phối hợp với đơn vị cấp trên giải quyết các vướng mắc về định mức, đơn giá, cơ chế thanh toán và các chế độ.
- Tham gia phân tích đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của các đơn vị trực thuộc Công ty.
- Đôn đốc các đơn vị thực hiện công tác thu hồi vốn, hỗ trợ đơn vị giải quyết vướng mắc với các đơn vị có liên quan trong thu hồi vốn.
- Phối hợp với Phòng Tài chính Kế toán theo dõi công tác thanh toán, thu vốn của các đơn vị. Kiểm tra phiếu giá thanh toán của các hợp đồng do Công ty ký chuyển Phòng Tài chính Kế toán.
- Phối hợp với các phòng ban liên quan lập hồ sơ dự thầu, lập giá đấu thầu các công trình.
- Chủ trì soạn thảo và tham gia đàm phán để lãnh đạo Công ty ký kết các hợp đồng kinh tế bao gồm: hợp đồng giao nhận thầu xây lắp, hợp đồng liên doanh, hợp đồng hợp tác đầu tư.
- Kiểm tra giám sát tình hình thực hiện các hợp đồng kinh tế theo quy chế quản lý hợp đồng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các quy định của Nhà nước.
- Theo dõi việc thực hiện và thanh lý các hợp đồng đã ký kết. Theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình ký kết và triển khai các hợp đồng kinh tế của các đơn vị.
- Trên cơ sở giá đấu thầu, các chế độ hiện hành của Nhà nước, biện pháp tổ chức thi công thực tế xây dựng các định mức đơn giá nội bộ Công ty.
- Rà soát, ban hành sửa đổi bổ sung các quy định, quy chế thuộc lĩnh vực kế hoạch – kinh doanh.
- Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt định mức, đơn giá áp dụng đối với những công trình do Công ty làm chủ đầu tư.
- Theo dõi những khối lượng phát sinh ngoài tổng dự toán.
- Tham gia quyết toán các dự án đầu tư.
- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch giá thành và quản lý các thành phần chi phí của các đơn vị trên cơ sở kế hoạch giá thành.
- Báo cáo thực hiện kế hoạch. Báo cáo thực hiện các mục tiêu tiến độ công trình.
- Báo cáo thực hiện các kế hoạch về sản xuất kinh doanh, dở dang, thu hồi vốn,...
- Đánh giá phân tích tình hình thực hiện, những nguyên nhân ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch.
- Báo cáo thống kê, báo cáo tình hình thực hiện tháng, quý, năm về giá trị khối lượng.
- Hỗ trợ, giúp lãnh đạo Công ty tập hợp báo cáo, kế hoạch sản xuất kinh doanh tại Công ty cổ phần.
- Tham mưu giúp việc cho Giám đốc công ty về các lĩnh vực mua bán, cấp phát vật tư, quản lý vật tư, đầu tư thiết bị, quản lý thiết bị.
- Mua sắm vật tư phục vụ quá trình sản xuất của công ty.

- Theo dõi giá cả kiểm tra cấp phát vật tư theo định mức cho các công trình
- Quản lý theo dõi cấp phát, thu hồi vật tư luân chuyển theo quy chế công ty.
- Đôn đốc các đơn vị quyết toán vật tư theo từng giai đoạn và khi kết thúc công trình.
- Tham mưu cho Giám đốc Công ty những biện pháp cần thiết để bảo quản và tiết kiệm vật tư.

- Quản lý thanh toán cấp phát xăng dầu hàng tháng cho xe con công tác.
- Làm thủ tục thanh lý vật

Phòng Kỹ thuật

Chức năng, nhiệm vụ

- Phòng Kỹ thuật là đơn vị thuộc bộ máy quản lý của Công ty, có chức năng nhiệm vụ tham mưu giúp việc cho HĐQT, Giám đốc để triển khai chỉ đạo hướng dẫn kiểm tra giám sát của Công ty đối với các đơn vị trực thuộc về: khoa học công nghệ, kỹ thuật thi công, chất lượng sản phẩm công trình xây dựng, phòng chống bão lụt, sáng kiến cải tiến, quản lý thiết bị thi công, quy trình quy phạm kỹ thuật của ngành của Nhà nước liên quan đến ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Chủ trì lập biện pháp đấu thầu thi công công trình khi có ý kiến chỉ đạo của Giám đốc.
- Chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc, hướng dẫn, theo dõi các đơn vị trực thuộc về công tác nghiệp vụ theo chức năng được giao để tổng hợp báo cáo kết quả đã kiểm tra xử lý trình Giám đốc, Hội đồng quản trị công ty.

- Kiểm tra, giám sát, nghiệm thu chất lượng sản phẩm.
- Tư vấn thiết kế, giám sát các công trình theo ngành nghề kinh doanh của Công ty.
- Thường trực Hội đồng khoa học kỹ thuật và sáng kiến cải tiến kỹ thuật, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác thi nâng bậc công nhân hàng năm. Biên soạn tài liệu về công nghệ kỹ thuật để đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ tay nghề cho cán bộ công nhân viên.

- Triển khai những tiêu chuẩn, quy trình quản lý chất lượng.
- Tổ chức thực hiện các phương án kỹ thuật và khai thác có hiệu quả thiết bị kỹ thuật được trang bị, đảm bảo cho việc sản xuất tại các đơn vị đạt chất lượng tốt, thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị đúng quy trình, quy phạm.

- Chịu trách nhiệm về mặt kỹ thuật trong việc phối hợp với các phòng nghiệp vụ, đơn vị trực thuộc tổ chức sản xuất và phục vụ kinh doanh.

- Quản lý thiết bị, theo dõi, trình duyệt phương án sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị theo định kỳ và khi bị hư hỏng.

- Quản lý lưu trữ, bảo quản hồ sơ và cung cấp tư liệu để phục vụ cho các hoạt động chung của toàn công ty.

- Chịu trách nhiệm quản lý và bảo vệ tài sản nhà nước được giao theo quy định của pháp luật và của đơn vị.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát kỹ thuật chất lượng, tiến độ thi công các công trình nhận thầu. Tham gia xử lý các vấn đề về kỹ thuật, khối lượng phát sinh trong thi công và kiến nghị xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Định kỳ phối hợp với các phòng ban có liên quan để kiểm kê, kiểm tra kỹ thuật thiết bị đề xuất thanh lý tài sản cố định hư hỏng, không sử dụng đến hoặc không còn sử dụng được.
- Phối hợp với các phòng thực hiện công tác hướng dẫn, kiểm tra giám sát việc thực hiện công tác PCCN-ATLĐ, bảo vệ, vệ sinh môi trường trong quá trình tổ chức thi công các công trình của công ty cũng như các đơn vị trực thuộc.
- Đôn đốc, hướng dẫn việc xây dựng phương án phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn của các đơn vị trực thuộc. Chỉ đạo và kiểm tra các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn hàng năm.
- Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Giám đốc công ty.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

3.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại Công ty

Bảng 1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại ngày 01/04/2016

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Công ty TNHH ứng dụng công Việt Nhật	Số 18, Ngõ 251 Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội	81.200	7,00
2	Bộ Giao thông vận tải	80 Trần Hưng Đạo, Hà Nội	591.600	51,00
Tổng cộng			672.800	58,00

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 01/04/2016 của CTCP Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4)

3.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Công ty thực hiện chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sang công ty cổ phần nên không có cổ đông sáng lập

3.3 Cơ cấu cổ đông

Bảng 2. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 01/04/2016

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
I	Cổ đông trong nước		1.160.000	100,00
	Tổ chức	02	672.800	58,00
	Cá nhân	143	487.200	42,00
II	Cổ đông nước ngoài		0	0
	Tổ chức	0	0	0
	Cá nhân	0	0	0
Tổng cộng			1.160.000	100,00

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 01/04/2016 của CTCP Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4)

4. Danh sách những công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết

Không có

5. Tình hình hoạt động kinh doanh

5.1 Sản phẩm dịch vụ chính

Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa; sửa chữa, sản xuất báo hiệu; sửa chữa bảo dưỡng phương tiện thủy; thi công duy tu kè chỉnh trị; điều tiết khổng chế đảm bảo an toàn giao thông đường thủy.

5.2 Doanh thu và lợi nhuận gộp qua các năm

Trước khi chuyển sang công ty cổ phần (trước ngày 05/3/2015), đơn vị hoạt động theo mô hình sự nghiệp có thu, do đó các thời điểm báo cáo của Công ty có các mốc thời gian kiểm toán khác nhau nhằm đảm bảo xác định giá trị doanh nghiệp để thực hiện cổ phần hóa. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 của công ty được lập cho kỳ hoạt động từ 05/3/2015 đến 31/12/2015.

Bảng 3. Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Giai đoạn từ 05/3/2015 đến 31/12/2015	
	Giá trị	Tỷ trọng
DTT từ hoạt động bảo trì đường thủy	24.660	42,49%
DTT từ hoạt động kinh doanh than, dầu diezen	30.600	52,73%
DTT từ hoạt động kinh doanh khác	2.768	4,78%
Tổng cộng	58.028	100%

Nguồn: (BCTC giai đoạn từ 05/03/2015 đến 31/12/2015)

Bảng 4. Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Giai đoạn từ 05/3/2015 đến 31/12/2015	
	Giá trị	Tỷ trọng
LN gộp từ hoạt động bảo trì đường thủy	1.446.845.062	91%
LN gộp từ hoạt động kinh doanh than, dầu diezen	142.876.304	9%
LN gộp từ hoạt động kinh doanh khác	0	0%
Tổng cộng	1.590.721.366	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn từ 05/03/2015 đến 31/12/2015)

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 5. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015
1	Tổng tài sản	35.645.278.791
2	Vốn chủ sở hữu	12.654.769.435
3	Doanh thu thuần	58.028.379.524
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.630.046.984
5	Lợi nhuận khác	-39.325.618
6	Lợi nhuận trước thuế	1.590.721.366
7	Lợi nhuận sau thuế	1.172.011.870
8	Giá trị sổ sách	10.909
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	49,98%

(Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn 05/03/2015 đến 31/12/2015)

(*) Trước khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần (5/3/2015), đơn vị hoạt động theo mô hình sự nghiệp có thu.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

✚ Vị thế của doanh nghiệp so với các công ty khác trong ngành

Vị thế của Công ty trong ngành

Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4 là một trong số các đơn vị quản lý đường thủy nội địa khu vực có uy tín và kinh nghiệm trong việc thực hiện công tác duy tu, bảo trì thường xuyên các tuyến đường thủy nội địa được giao quản lý cũng như thực hiện các công trình điều tiết khống chế đảm bảo giao thông phục vụ thi công các công trình có liên quan đến đường thủy nội địa, thi công kè chỉnh trị, nạo vét, khảo sát sông, sản xuất, lắp đặt báo hiệu.....Do đó trong lĩnh vực này đơn vị giữ vị thế chủ đạo tại khu vực địa phương theo khu vực quản lý đường sông do Nhà nước giao quản lý.

✚ Triển vọng phát triển của ngành

Bộ Giao thông Vận tải đã xây dựng chiến lược phát triển hệ thống giao thông trên toàn quốc cho giai đoạn 2005 - 2015 và đến năm 2020. Theo chương trình phát triển 2005 - 2015 hàng loạt các dự án sử dụng nguồn vốn Nhà nước và đầu tư nước ngoài nâng cấp các tuyến quốc lộ, xây dựng mới hệ thống cầu lớn vượt sông, ... các ngành khác cũng có nhiều dự án lớn trong đó có hệ thống cầu đường cho ngành, ở cấp tỉnh thành, quận huyện với sự tăng trưởng về kinh tế, được sự mở rộng của Chính phủ về các nguồn vốn XDCB, nên các địa phương trong cả nước đã và đang hình thành nhiều dự án XDCB trong đó XDCB giao thông đường thủy chiếm một tỷ trọng đáng kể. Với thị trường trong nước rộng lớn với một đơn vị đã có nhiều năm thực hiện công tác đảm bảo giao thông đường thủy nội địa phục vụ thi công các công trình vượt sông, công trình kè chỉnh trị, kè phòng chống lụt bão thì chắc chắn sẽ có một thị phần không nhỏ trong thị trường ngành giao thông vận tải, nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Hệ thống văn bản pháp qui của nhà nước về đường thủy nội địa, XDCB tính đến nay đã ban hành và hoàn thiện rất đầy đủ về luật và các văn bản dưới luật để quản lý và triển khai thực hiện các dự án về đường thủy nội địa, XDCB. Các quy định về giao nhận thầu, đấu thầu, nguồn

vốn đều cụ thể, rõ ràng và minh bạch. Những điều kiện trên đã tạo một môi trường tốt có nhiều thuận lợi cho các doanh nghiệp, bớt đi các nỗi lo về nguồn vốn thanh toán, các thủ tục trình duyệt, chấp thuận thanh quyết toán, cấp phát vốn thanh toán.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1 Số lượng lao động trong công ty

Bảng 6. Cơ cấu lao động

Tiêu chí	Số lượng người	Tỷ trọng
* Theo trình độ lao động	150	100%
- Trình độ đại học trở lên	49	33%
- Trình độ Cao đẳng trở lên	39	26%
- Trình độ khác	62	41%
* Phân theo hợp đồng lao động	150	100%
- Lao động thuộc diện không phải ký HĐ	-	-
- HĐ không xác định thời hạn	150	100
- Hợp đồng thời hạn 1- 3 năm	-	-
- Hợp đồng thời vụ	-	-
- Tạm hoãn của Hợp đồng thời vụ	-	-
* Phân theo giới tính	150	100%
- Nam	129	86%
- Nữ	21	14%

(Nguồn: CTCP Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4)

8.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp cho người lao động

❖ Về chính sách lao động:

- Rà soát nguồn nhân lực hiện có, sắp xếp hợp lý, có kế hoạch bổ sung nguồn lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh trong Công ty;
- Đảm bảo đủ số lượng và chất lượng lao động phù hợp với quy mô tổ chức sản xuất của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể;
- Không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ kỹ thuật, quản lý bằng các biện pháp cụ thể: Gửi đi học các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước;
- Tổ chức đào tạo, nâng cao tay nghề của đội ngũ công nhân kỹ thuật bằng các hình thức như: Đào tạo tại chỗ và gửi đi học các trường đào tạo nghề;
- Xây dựng tiêu chuẩn viên chức chuyên môn nghiệp vụ gắn liền với các chức danh để tuyển dụng và bố trí cán bộ;
- Đưa ra các chính sách đãi ngộ thỏa đáng nhằm thu hút những cán bộ kỹ thuật, quản lý có trình độ chuyên môn cao, công nhân kỹ thuật có trình độ lành nghề;

- Rà soát nguồn nhân lực hiện có, sắp xếp lao động hợp lý, có kế hoạch tuyển dụng lao động có tay nghề để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh trong giai đoạn tới.

❖ Về chính sách tiền lương:

- Xây dựng đơn giá tiền lương trên cơ sở định mức lao động hợp lý;
- Đối với lao động trực tiếp: Khoản tiền lương theo từng đơn vị sản phẩm, hạng mục công việc đến từng tổ đội sản xuất và người lao động;
- Đối với lao động gián tiếp: Trả lương phù hợp với năng suất làm việc cụ thể của từng người; Khoản mức lương cụ thể cho từng phòng ban theo nhiệm vụ được giao;
- Có chế độ khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty;
- Thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động: Trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ tiền lương, tiền phép.
- Mức lương bình quân người lao động trong công ty năm 2015: 7.959.000 đồng/người/tháng

9. Chính sách cổ tức

- Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo qui định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.
- Chi trả cổ tức qua các năm

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Hình thức thanh toán
Năm 2015	5,05%	Tiền mặt

(Nguồn: CTCP Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4)

- Thời gian chi trả cổ tức năm 2015 (dự kiến): tháng 7/2016

10. Tình hình tài chính

10.1 Các chỉ tiêu cơ bản

✚ Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10-38 năm
Máy móc, thiết bị	3-5 năm
Phương tiện vận tải	5-15 năm
Dụng cụ, quản lý	5

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty đã thực hiện tốt nghĩa vụ công nợ cho các nhà cung cấp và đối tác, hiện công ty không có bất cứ khoản nợ nào quá hạn. Các khoản phải trả ngắn hạn và dài hạn đều được công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong các năm qua.

Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty đã nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách thuế liên quan đến người lao động.

Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập các quỹ theo Điều lệ và quy định của pháp luật hiện hành. Việc trích lập các quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của công ty và Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định.

Tổng dư nợ vay

Chỉ tiêu	05/03/2015	31/12/2015
I. Vay và nợ ngắn hạn	12.147.792.118	21.798.841.356
II. Vay và nợ dài hạn	-	1.191.668.000
Tổng cộng	12.147.792.118	22.990.509.356

(Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn từ 05/03/2015 đến 31/12/2015)

Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 7. Tổng dư nợ qua các năm

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Khoản mục	05/03/2015	31/12/2015
I	Nợ ngắn hạn	12.147.792.118	21.798.841.356
1	Phải trả người bán ngắn hạn	948.135.556	3.089.545.678
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.731.500.000	329.704.000
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	2.663.109.668	2.125.481.736
4	Phải trả người lao động	646.838	221.527.993
5	Phải trả ngắn hạn khác	5.761.470.395	12.366.629.504
6	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	3.579.205.107
7	Quỹ khen thưởng phúc lợi	42.929.661	86.747.338
II	Nợ dài hạn	-	1.191.668.000
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	1.191.668.000
	Cộng	12.147.792.118	22.990.509.356

(Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn từ 05/03/2015 đến 31/12/2015)

 Công nợ phải thu

Bảng 8. Các khoản phải thu

ĐVT: VNĐ

STT	Khoản mục	05/03/2015	31/12/2015
1	Phải thu khách hàng	4.050.733.712	15.790.419.094
2	Trả trước cho người bán	33.200.000	451.829.378
3	Các khoản phải thu khác	2.015.088.361	1.403.969.976
	Cộng	6.099.022.073	17.646.218.448

(Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn từ 05/03/2015 đến 31/12/2015)

So với cuối kỳ kế toán năm 2014, nợ phải trả của doanh nghiệp tăng mạnh do doanh nghiệp cần phải vay vốn để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc có thêm khách hàng và nhà cung cấp mới trong lĩnh vực kinh doanh mới khiến các khoản phải thu tăng mạnh do việc bán hàng trả chậm cũng như các khoản phải trả cho nhà cung cấp tăng lên

 Đầu tư tài chính

Hiện tại công ty không có hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 9. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014 (*)	Năm 2015
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:		
	Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	N/A	1,01
	Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ- Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	N/A	0,89
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:		
+	Hệ số nợ/Tổng tài sản	N/A	0,64
+	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	N/A	1,82
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	N/A	18,41
+	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	N/A	1,63
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	N/A	0,02
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	N/A	0,09
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	N/A	0,03
	Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/DTT	N/A	0,03

(Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn từ 05/03/2015 đến 31/12/2015)

(*) Năm 2014 hoạt động dưới hình thức đơn vị sự nghiệp có thu nên không tính các chỉ tiêu tài chính.

11. Tình hình tài sản

11.1 Tài sản cố định

Bảng 10. Danh mục tài sản cố định tại thời điểm ngày 31/12/2015

TT	Tài sản	Nguyên giá (VND)	Giá trị còn lại (VND)	%GTCL/NG
I	Tài sản cố định hữu hình	27.491.668.230	12.375.386.060	45,02%
	a. Nhà cửa, vật kiến trúc	7.879.819.614	6.296.010.142	79,90%
	b. Máy móc thiết bị	754.901.870	470.871.840	62,38%
	c. Phương tiện vận tải	18.810.946.746	5.581.746.131	29,67%
	d. Thiết bị, dụng cụ quản lý	46.000.000	26.757.947	58,17%
II	Tài sản cố định vô hình	0	0	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn từ 05/03/2015 đến 31/12/2015)

Chỉ tiêu	05/03/2015 (VND)	31/12/2015 (VND)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	0	921.548.181

(Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn từ 05/03/2015 đến 31/12/2015)

11.2 Danh mục đất đai Công ty đang quản lý và sử dụng

Bảng 11. Danh mục đất đai Đoạn 4 đang quản lý và sử dụng

TT	Địa điểm	Diện tích (m2)	Hồ sơ pháp lý	Tình trạng sử dụng
1	Văn phòng Đoạn - Đường Huyện Quang-Phường Đại Phúc- TP Bắc Ninh	1,911.4	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 536141 ngày 03/10/2013 của UBND tỉnh Bắc Ninh	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất
2	TRẠM Minh Đạo - Nghĩa Chi- Minh Đạo- Bắc Ninh	1,166	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 380421 ngày 31/12/2007 của UBND tỉnh Bắc Ninh	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất
3	Trạm Kiều Lương- Kiều Lương - Đức Long- Quê Võ - Bắc Ninh	471	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ883896 ngày 31/12/2007 của UBND tỉnh Bắc Ninh	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất
4	Trạm Phả Lại- Đức Long- Quê Võ - Bắc Ninh	469	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ883895 ngày 31/12/2007 của UBND tỉnh Bắc Ninh	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất
5	Trạm Yên Tập - Yên Dũng - Bắc Giang	690	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 868772 ngày 16/11/1996 của UBND tỉnh Bắc Giang	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất
6	Trạm Bắc Giang- Tp Bắc Giang	3,977	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 2109977 ngày 21/12/2006 của UBND tỉnh Bắc Giang	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất

TT	Địa điểm	Diện tích (m2)	Hồ sơ pháp lý	Tình trạng sử dụng
7	Trạm Lục Nam- Huyện Lục Nam - Bắc Giang	871	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG246836 ngày 01/12/2011 của UBND tỉnh Bắc Giang	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất
8	Trạm Bồ Hạ- Huyện Yên Thế - Bắc Giang	792	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 210998 ngày 05/2/2007 của UBND tỉnh Bắc Giang	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất
9	Trạm Quang Châu- Việt yên - Bắc Giang	867	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 246724 ngày 23/2/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất
10	Trạm Đa Phúc- TP Thái Nguyên	600	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 501478 ngày 21/7/2000 của UBND tỉnh Thái Nguyên	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất
11	Trạm Cao Bằng - thị xã Cao Bằng	550	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 723801 ngày 21/11/2007 của UBND tỉnh Cao Bằng	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất
12	Trạm Hiền Lương- Phù Lương- Quế Võ - Bắc Ninh	2119.9	-Quyết định số 1793/QĐ-CT ngày 05/9/2005 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bắc Ninh về việc giao đất để xây dựng nhà trạm quản lý của trạm quản lý đường sông Yên Tập	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất

(Nguồn: CTCP Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4)

12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

12.1 Kế hoạch kinh doanh năm 2016-2017

Bảng 12. Kế hoạch phát triển kinh doanh 2016-2017

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016		Năm 2017	
		Kế hoạch (đ)	tăng/giảm	Kế hoạch (đ)	tăng /giảm
Vốn điều lệ	11.600.000.000	11.600.000.000	0%	11.600.000.000	0%
Doanh thu thuần	58.028.379.524	59.200.000.000	2,02%	62.500.000.000	5,57%
Lợi nhuận sau thuế	1.172.011.870	1.207.172.226	3%	1.267.530.837	5%
Tỷ lệ LNST /DT thuần	2,02%	2,04%	-	2,03%	-
Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ	10,1%	10,4%	-	10,9%	-
Cổ tức	5,1%	6,5%	-	6,5%	

(Nguồn: CTCP Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4)

12.2 Căn cứ để đặt kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Do tình hình kinh tế năm 2016-2017 vẫn còn có nhiều biến động, doanh nghiệp mới chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình chuyển đổi, công ty chỉ đặt mức kế hoạch năm 2016 tăng trưởng 2,02% doanh thu và 3% lợi nhuận so với năm 2015, kế hoạch năm 2017 tăng trưởng ở mức 5% so với kế hoạch năm 2016, dựa trên các hợp đồng đã ký kết đang thực hiện và dự kiến các hợp đồng doanh nghiệp sẽ tiếp

tục nhận được trong các năm tiếp theo. Ngoài ra, doanh nghiệp sẽ tiếp tục kiện toàn cơ cấu quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động theo hướng sau:

- Công ty chủ động sắp xếp lại mô hình tổ chức hoạt động cho phù hợp với mô hình Công ty cổ phần nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động SXKD của Công ty trong những năm tiếp theo.
- Rà soát lại toàn bộ bộ máy nhân sự, kiện toàn tổ chức, tái cấu trúc lại bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với mô hình mới theo hướng tinh gọn; Hạn chế tối đa lực lượng lao động gián tiếp, sắp xếp lại và chuyển lực lượng gián tiếp dư thừa sang lực lượng trực tiếp tham gia SXKD; Tuyển nhân lực có đủ trình độ chuyên môn, năng lực, nhiệt tình công tác phù hợp theo ngành nghề Công ty đã, đang và sẽ hoạt động, đặc biệt trẻ hóa lực lượng lao động có kết hợp với một số cán bộ, nhân viên có trình độ, có năng lực công tác, kinh nghiệm làm việc.
- Đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp theo hướng phân quyền cụ thể cho từng cấp quản trị, gắn trách nhiệm với quyền lợi theo hướng đạt hiệu quả cao thì được hưởng lương cao, được đề bạt giữ trọng trách cao hơn trong bộ máy quản lý và ngược lại có biện pháp xử lý khi thực thi công việc không hiệu quả hoặc không đạt kế hoạch được giao.
- Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV. Chính sách lương, thưởng đảm bảo công bằng, công khai, gắn với hiệu quả và chất lượng làm việc nhằm tạo động lực để CBCNV phát huy sáng tạo trong công việc.

13. Thông tin về các cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty

- Công ty hiện không có các cam kết chưa thực hiện.

14. Chiến lược, định hướng phát triển kinh doanh

Để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế đã đề ra, Công ty xác định trong giai đoạn 2015 - 2017 Tiếp tục giữ vững và phát triển các thị trường truyền thống (Duy tu, bảo trì thường xuyên ĐTNĐ, Điều tiết khổng chế ĐBGT ĐTNĐ, Duy tu sửa chữa kè, khảo sát sông, sản xuất lắp đặt báo hiệu....) từng bước mở rộng thêm các ngành sản xuất kinh doanh như đã đăng ký kinh doanh, lấy đó làm giải pháp ổn định doanh thu, thu nhập của Công ty, đồng thời tích cực tìm kiếm thêm sản phẩm và khách hàng mới để phát triển bền vững.

15. Các thông tin tranh chấp, kiện tụng liên quan tới công ty

- Công ty hiện không có các tranh chấp kiện tụng liên quan đến công ty.

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm có 05 người:

- Ông Dương Hải Thanh: Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT không điều hành
- Ông Phạm Hồng Minh: Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc, thành viên HĐQT điều hành
- Ông Nguyễn Phi Trường: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc, thành viên HĐQT điều hành
- Ông Trần Văn Ôn: Thành viên HĐQT không điều hành

- Ông Nguyễn Văn Tạng: Thành viên HĐQT không điều hành

Sơ yếu lý lịch thành viên HĐQT

1.1 Ông Dương Hải Thanh – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên	Dương Hải Thanh
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	04/04/1968
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Nghĩa Thịnh – Nghĩa Hưng – Nam Định
Địa chỉ thường trú	Nhà 17 ngách 379/34 Đội Cấn – Ba Đình – Hà Nội
Chứng minh nhân dân	012899067
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Công trình thủy, Cử nhân kinh tế.
Quá trình công tác	
T 1/1990– T3/1993	Cán bộ kỹ thuật Đoạn Quản lý Đường thủy nội địa số 4
T4/1993 – T11/1997	Phó trưởng phòng Kế hoạch – Vật tư Đoạn Quản lý Đường thủy nội địa số 4
T12/1997 – T8/2004	Trưởng phòng Kế hoạch – Vật tư Đoạn Quản lý Đường thủy nội địa số 4
T9/2004 – T4/2011	Phó trưởng phòng Kế hoạch – đầu tư; Tổ chức cán bộ; Quản lý phương tiện và thuyền viên; Quản lý hạ tầng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;
T5/2011 – T2/2015	Giám đốc Đoạn Quản lý Đường thủy nội địa số 4
T3/2015 – 25/4/2016	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Quản lý bảo trì Đường thủy nội địa số 4
26/4/2016-Nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4; Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến ngày 01/4/2016	47.400
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	295.800
Số cổ phần của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích liên quan	3.000.000 đồng/tháng

đến công ty

1.2 Ông Phạm Hồng Minh – Thành viên HĐQT điều hành

Họ và tên	Phạm Hồng Minh
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	6/8/1982
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thôn Lai Hạ, xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú	Số 104 Kinh Bắc 8, phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.
Chứng minh nhân dân	125043047
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
T5/2006– T9/2009	Nhân viên Phòng Kế toán – Tài vụ Đoạn Quản lý đường sông số 4
T9/2009 – T5/2011	Phó trưởng phòng Kế toán – Tài vụ Đoạn Quản lý đường thủy nội địa số 4
T6/2011 – T9/2011	Phụ trách Phòng Kế toán – Tài vụ Đoạn Quản lý đường thủy nội địa số 4
T9/2011 – 22/3/2015	Kế toán trưởng Đoạn Quản lý đường thủy nội địa số 4
23/3/2015 – 25/4/2016	Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
26/4/2016 - Nay	Thành viên Hội đồng quản trị – Giám đốc CTCP Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ hiện nay	Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc CTCP Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến ngày 01/4/2016	36.900
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	147.900
Số cổ phần của những người liên quan	0
Các khoản nợ với Công ty	Không có
Thù lao và lợi ích liên quan đến công ty	2.000.000 đồng/tháng

1.3 Ông Nguyễn Phi Trường – Thành viên HĐQT điều hành

Họ và tên	Nguyễn Phi Trường
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	06/06/1966
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Khu Yên Mẫn – Phường Kinh Bắc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh.
Địa chỉ thường trú	Khu Yên Mẫn – Phường Kinh Bắc – Thành phố Bắc Ninh – Tỉnh Bắc Ninh.
Chứng minh nhân dân	125008914
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
T11/1992– T10/2000	Nhân viên Phòng Kế toán - tài vụ Đoạn Quản lý đường thủy nội địa số 4
T11/2000 – T12/2000	Phó phòng Kế toán tài - vụ Đoạn Quản lý đường thủy nội địa số 4
T01/2001 – T10/2006	Trưởng phòng Kế toán tài - vụ Đoạn Quản lý đường thủy nội địa số 4;
T11/2006 – T12/2018	Kế toán trưởng Đoạn Quản lý đường thủy nội địa số 4.
T2/2012 – T2/2015	Phó giám đốc Đoạn Quản lý đường thủy nội địa số 4
T3/2015 – Nay	Phó giám đốc – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ hiện nay	Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Giám đốc CTCP Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4; Chủ tịch Công đoàn; Thường vụ - Đảng ủy viên CTCP Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4;
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến ngày 01/4/2016	35.700
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	147.900
Số cổ phần của những người liên quan	Không
Các khoản nợ với Công ty	Không
Thù lao và lợi ích liên quan đến công ty	2.000.000 đồng/tháng

1.4 Ông Trần Văn Ôn – Thành viên HĐQT điều hành

Họ và tên	Trần Văn Ôn
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	09/01/1970
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thôn Bái Hạ - Xã Nghĩa An - huyện Nam Trực - tỉnh Nam Định
Địa chỉ thường trú	Khu 2 Phường Đại Phúc – TP Bắc Ninh - tỉnh Bắc Ninh
Chứng minh nhân dân	125197402
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
T9/1992– T11/2002	Công nhân các trạm Quản lý đường sông. Minh Đạo; Bắc Giang; Hoà Long - Đoạn Quản lý đường sông số 4
T12/2002 – T12/2003	Trạm phó phụ trách trạm Quản lý đường sông Bồ Hạ - Đoạn Quản lý đường sông số 4;
T01/2003 – T7/2004	Trạm trưởng trạm Quản lý đường sông Bồ Hạ - Đoạn Quản lý đường sông số 4;
T8/2004 – T6/2013	Phó phòng kế hoạch - Vật tư - Đoạn Quản lý đường sông số 4;
T7/2012 – T2/2015	Trưởng phòng Kinh tế – Kế hoạch Đoạn Quản lý đường thủy nội địa số 4;
T3/2015 – Nay	Thành viên HĐQT – Trưởng phòng Kinh doanh – Dự án Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT – Trưởng phòng Kinh doanh – Dự án CTCP Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4; Bí thư chi bộ văn phòng I - CTCP Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4; Chủ tịch Hội cựu chiến Binh - CTCP Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến ngày 01/4/2016	43.800
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	0
Số cổ phần của những người liên quan	0
Các khoản nợ với Công ty	Không có

Thù lao và lợi ích liên quan đến công ty **2.000.000** đồng/tháng

1.5 Ông Nguyễn Văn Tạng – Thành viên HĐQT điều hành

Họ và tên	Nguyễn Văn Tạng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	03/05/1970
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Chi Lăng – Quế Võ – Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú	Khu tập thể đường sông Phúc Sơn – Vũ Ninh – Tp. Bắc Ninh
Chứng minh nhân dân	125686319
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Công trình thủy

Quá trình công tác

T9/1992– T12/1992	Đội khảo sát - Đoạn quản lý đường sông số 4
T1/1993 – T12/1993	Trạm quản lý đường sông Minh Đạo - Đoạn Quản lý đường sông số 4
T01/1994 – T1/2004	Phòng Kỹ thuật - Đoạn Quản lý đường sông số 4
T2/2004 – T3/2007	Phó phòng Kỹ thuật - Đoạn Quản lý đường sông số 4
T4/2007 – T2/2015	Trưởng phòng Kỹ thuật - Đoạn Quản lý đường thủy nội địa số 4
T3/2015 – Nay	Thành viên Hội đồng quản trị - Trưởng phòng Kỹ thuật; Giám đốc Trung tâm tư vấn khảo sát thiết kế Công ty Cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4.

Chức vụ hiện nay	Thành viên Hội đồng quản trị - Trưởng phòng Kỹ thuật; Giám đốc Trung tâm tư vấn khảo sát thiết kế CTCP Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4.
------------------	---

Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
---------------------------------------	-------

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
---------------------------	-------

Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến ngày 01/4/2016	40.100
--	--------

Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	0
----------------------------------	---

Số cổ phần của những người liên quan	0
--------------------------------------	---

Các khoản nợ với Công ty	Không có
--------------------------	----------

Thù lao và lợi ích liên quan đến công ty	2.000.000 đồng/tháng
--	-----------------------------

2. Ban kiểm soát

- Ông Phạm Văn Hanh: Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Trịnh Đình Kiên: Thành viên Ban kiểm soát
- Bà Trần Thị Kiều: Thành viên Ban kiểm soát

2.1 Ông Phạm Văn Hanh – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên	Phạm Văn Hanh
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	20/11/1971
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Vạn Phúc, Ninh Giang, Hải Dương
Địa chỉ thường trú	Phường Kinh Bắc – Thành phố Bắc Ninh
Chứng minh nhân dân	121375526
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Công trình thủy
Quá trình công tác	
T12/2002- T4/2007	Trạm Quản lý đường thủy nội địa Bó Hạ, Đoạn Quản lý đường thủy nội địa số 4
T4/2007-T10/2009	Phó Trạm trưởng Trạm Quản lý đường thủy nội địa Bó Hạ, Đoạn Quản lý đường thủy nội địa số 4
T10/2009-T2/2011	Phó Trạm trưởng phụ trách Trạm Quản lý đường thủy nội địa Bó Hạ - Bí thư Chi bộ sản xuất I Đoạn Quản lý đường thủy nội địa số 4
T2/2011-T9/2011	Phó trưởng phòng phụ trách phòng Tổ chức – Hành chính – Đảng ủy viên Đoạn Quản lý đường thủy nội địa số 4
T9/2011-T2/2015	Đảng ủy viên, Bí thư chi bộ Văn phòng II, Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính Đoạn Quản lý đường thủy nội địa số 4
T3/2015 - Nay	Trưởng ban kiểm soát – Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ hiện nay	Trưởng ban kiểm soát – Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4; Ủy viên Ban thường vụ, Phó Bí thư Đảng bộ Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4;

Ủy viên BCH Công đoàn Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4.

Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến ngày 01/04/2016	28.000
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	0
Số cổ phần của những người liên quan	0
Các khoản nợ với Công ty	Không có
Thù lao và lợi ích liên quan đến công ty	2.000.000 đồng/tháng

2.2 Ông Trịnh Đình Kiên – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	Trịnh Đình Kiên
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	12/09/1969
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thôn Lập Ái, xã Song Giang, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú	Phố Vũ Tuyên Hoàng, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh
Chứng minh nhân dân	125583666
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Công trình thủy
Quá trình công tác	
T5/1992– T10/2004	Trạm Quản lý đường thủy nội địa Minh Đạo
T10/2004 – T12/2004	Trạm Quản lý đường thủy nội địa Kiều Lương
T12/2004 – T12/2006	Chuyên viên phòng kỹ thuật – Đoàn Quản lý đường thủy nội địa số 4
T12/2006 – T2/2015	Đội trưởng đội công trình – Đoàn Quản lý đường thủy nội địa số 4
T3/2015 – Nay	Thành viên Ban kiểm soát- Giám đốc xí nghiệp thương mại cơ khí công trình – Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban kiểm soát- Giám đốc xí nghiệp thương mại cơ khí công trình – CTCP Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4

Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến ngày 01/04/2016	37.000
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	0
Số cổ phần của những người liên quan	0
Các khoản nợ với Công ty	Không có
Thù lao và lợi ích liên quan đến công ty	1.500.000 đồng/tháng

2.3 Bà Trần Thị Kiều – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	Trần Thị Kiều
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	26/07/1987
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Vĩnh Khúc – Huyện Văn Giang – Tỉnh Hưng Yên
Địa chỉ thường trú	Số 168, đường Thiên Đức, phường Vệ An, TP. Bắc Ninh, Bắc Ninh
Chứng minh nhân dân	145197035
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

T3/2011 – 25/4/2016	Nhân viên Phòng Kinh tế kế hoạch Đoạn Quản lý đường thủy nội địa số 4 (Nay là Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4)
26/4/2016 – Nay	Thành viên Ban kiểm soát - Nhân viên Phòng Kinh doanh – Dự án Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban kiểm soát - Nhân viên Phòng Kinh doanh – Dự án Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến ngày 01/04/2016	300

Số cổ phần đại diện vốn nhà 0

nước

Số cổ phần của những người 0

liên quan

Các khoản nợ với Công ty Không có

Thù lao và lợi ích liên quan 1.500.000 đồng/tháng
đến công ty

3. Giám đốc và các cán bộ quản lý

- Ông Phạm Hồng Minh: Giám đốc (như mục 1.2)
- Ông Nguyễn Phi Trường: Phó Giám đốc (như mục 1.3)
- Bà: Đinh Thị Đào – Trưởng phòng Tài chính – Kế toán

3.1 Bà Đinh Thị Đào – Kế toán trưởng

Họ và tên	Đinh Thị Đào
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	08/05/1982
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
Địa chỉ thường trú	Số 99 Lê Hồng Phong, P.Kinh Bắc, TP. Bắc Ninh, Bắc Ninh
Chứng minh nhân dân	201446075
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
T6/2004-T6/2007	Nhân viên kế toán Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trung Á, Thành phố Đà Nẵng
T7/2004-T1/2008	Nhân viên Kế toán Công ty TNHH Nam Khánh – Hà Nội
T2/2008-T1/2009	Nhân viên kế toán Công ty Cổ phần Nishu thương mại – Hà Nội
T5/2010-T5/2011	Trưởng phòng Kế toán Công ty TNHH Nam Á – Quế Võ – Bắc Ninh
T6/2011-T5/2013	Kế toán Đội công trình – Đoạn Quản lý đường thủy nội địa số 4
T6/2013-T2/2015	Nhân viên Phòng Kinh tế - Kế hoạch Đoạn Quản lý đường thủy nội địa số 4
T3/2015-25/4/2016	Thành viên Ban kiểm soát – Nhân viên phòng Kinh doanh – Dự án Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội

	địa số 4
26/4/2016 – nay	Phụ trách kế toán – Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4
Chức vụ hiện nay	Phụ trách kế toán – Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4.
Chức vụ kiêm nhiệm ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến ngày 01/04/2016	300
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	0
Số cổ phần của những người liên quan	0
Các khoản nợ với Công ty	Không có
Thù lao và lợi ích liên quan đến công ty	1.500.000 đồng/tháng

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Công ty vừa thực hiện chuyển đổi từ đơn vị sự nghiệp kinh tế sang công ty cổ phần, do vậy công tác quản trị công ty cổ phần đối với Công ty là khá mới. Ban đầu, Công ty cơ cấu lại nhân sự, tập trung đào tạo nhân sự chủ chốt là các cán bộ quản lý, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và những kiến thức, kinh nghiệm trong quản lý, điều hành công ty cổ phần. Đồng thời, Công ty áp dụng quy trình ISO quản lý chất lượng trong công tác điều hành, hoạt động sản xuất. Năm 2015 Công ty đã chỉ định tư vấn trung tâm chứng nhận phù hợp QUACERT để xây quy trình quản lý chất lượng. Dự kiến trong quý II/2016, Công ty sẽ tiến hành công bố quy trình quản lý chất lượng ISO 9001-2008. Xây dựng một số quy trình như quy trình công bố thông tin, triệu tập ĐHĐCĐ... tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp và quy định hiện hành về quản trị công ty đối với công ty đại chúng, Xây dựng cơ chế giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính của Công ty; giám sát HĐQT, Ban điều hành Công ty.

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 07 năm 2016

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CTCP CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ THANH TÙNG

CTCP QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG
THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



DƯƠNG HẢI THANH

PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- 2. Phụ lục II:** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 (giai đoạn 05/03/2015 – 31/12/2015)